

**ĐÁNH GIÁ, ĐỀ XUẤT NỘI DUNG QUY ĐỊNH BẢNG GIÁ ĐẤT THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH MỚI SAU KHI SÁP NHẬP
ĐỀ ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01/01/2026**

*(Áp dụng đối với đất ở và các loại đất phi nông nghiệp)
(Kèm theo Công văn số...../UBND ngày...../8/2025 của UBND xã Sơn Tây Hạ)*

TT	Nội dung, giá đất quy định trong bảng giá đất hiện hành		Giá đất phổ biến thị trường (đồng/m2)	Đề xuất nội dung, mức giá đất để áp dụng từ ngày 01/01/2026		So sánh %		Ghi chú <i>(nêu rõ lý do: đề xuất giữ nguyên hoặc điều chỉnh, bổ sung sau khi sáp nhập so với tuyến đường, đoạn đường quy định trong bảng giá đất hiện hành)</i>
	Nội dung	Giá đất (đồng/m2)		Nội dung	Giá đất (đồng/m2)	(4)/(3)	(6)/(3)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	xã Sơn Tinh Cũ							
a	Khu vực 2:							
1	Đất mặt tiền đường DH83 xã đoạn từ cầu Xà Ruông đến cầu Nước Vút (vị trí 1)	240.000	1.200.000	Tăng 10.000 đồng so với QĐ số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	250.000	500	104,17	Sau sáp nhập tuyến đường này thuộc trung tâm xã nhu cầu làm nhà ở của người dân tăng lên
2	Đất mặt tiền đường đoạn từ ngã 3 nhà ông Đông đến trường THCS Sơn Tinh (vị trí 1)	240.000	1.200.000	Tăng 20.000 đồng so với QĐ số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	260.000	500	108,33	Sau sáp nhập tuyến đường này thuộc trung tâm xã nhu cầu làm nhà ở của người dân tăng lên
3	Đất mặt tiền đường ĐT83 từ cầu Xà Ruông đến ranh giới xã Sơn Lập (vị trí 2)	200.000	300.000	Giữ nguyên giá đất hiện hành theo QĐ số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	200.000	150	100,00	Không ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp là hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sẽ cao hơn trước đây

4	Đất mặt tiền đường ĐT83 từ ranh giới xã Sơn Mậu đến cầu Nước Vút (vị trí 2)	200.000	300.000	Giữ nguyên giá đất hiện hành theo QĐ số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	200.000	150	100,00	Không ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp là hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sẽ cao hơn trước đây
5	Đất mặt tiền đường đoạn từ trường THCS Sơn Tinh đến hết ranh giới xã Sơn Tinh (Trục đường Sơn Tinh – Sơn Thượng) (vị trí 2)	200.000	400.000	Giữ nguyên giá đất hiện hành theo QĐ số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	200.000	200	100,00	Không ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp là hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sẽ cao hơn trước đây
b	Khu vực 3:							
1	Đất mặt tiền các tuyến đường liên thôn (vị trí 1)	80.000	300.000	Giữ nguyên giá đất hiện hành theo QĐ số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	300.000	375	375,00	Không ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp là hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sẽ cao hơn trước đây
2	Đất ở các vị trí khác còn lại (vị trí 2)	50.000	200.000	Giữ nguyên giá đất hiện hành theo QĐ số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	200.000	400	400,00	Không ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp là hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sẽ cao hơn trước đây
II	xã Sơn Lập cũ							
a	Khu vực 2:							
1	Đất mặt tiền đường Trường Sơn Đông đoạn từ cầu Ngọc Tem đến ranh giới xã Sơn Long (vị trí 1)	240.000	240.000	Giữ nguyên giá đất hiện hành theo QĐ số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	240.000	100	100,00	Không ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp là hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sẽ cao hơn trước đây

2	Đất mặt tiền đường ĐH83 từ xóm ông Gầy đến cầu Ngọc Tem (vị trí 2)	200.000	200.000	Giữ nguyên giá đất hiện hành theo QĐ số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	200.000	100	100,00	Không ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp là hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sẽ cao hơn trước đây
3	Đất đường ĐH83 từ ranh giới xã Sơn Tinh đến xóm ông Gầy (vị trí 3)	150.000	150.000	Giữ nguyên giá đất hiện hành theo QĐ số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	150.000	100	100,00	Không ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp là hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sẽ cao hơn trước đây
b	Khu vực 3:							
1	Đất mặt tiền các tuyến đường liên thôn (vị trí 1)	80.000	80.000	Giữ nguyên giá đất hiện hành theo QĐ số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	80.000	100	100,00	Không ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp là hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sẽ cao hơn trước đây
2	Đất ở các vị trí khác còn lại (vị trí 2)	50.000	50.000	Giữ nguyên giá đất hiện hành theo QĐ số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	50.000	100	100,00	Không ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp là hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sẽ cao hơn trước đây
III	xã Sơn Màu cũ							
a	Khu vực 2:							
1	Đất mặt tiền trục ĐH83 đường từ Cổng chào xã Sơn Màu đến cầu Trà Vinh (vị trí 1)	240.000	240.000	Giữ nguyên giá đất hiện hành theo QĐ số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	240.000	100	100,00	Không ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp là hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sẽ cao hơn trước đây

2	Đất mặt tiền trục đường ĐH83 từ cầu Trà Vinh đến giáp ranh xã Sơn Tinh ((vị trí 1)	240.000	240.000	Giữ nguyên giá đất hiện hành theo QĐ số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	240.000	100	100,00	Không ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp là hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sẽ cao hơn trước đây
3	Đất mặt tiền trục đường ĐH83 giáp ranh xã Sơn Tân đến Cổng Chèo xã Sơn Màu (vị trí 1)	240.000	240.000	Giữ nguyên giá đất hiện hành theo QĐ số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	240.000	100	100,00	Không ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp là hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sẽ cao hơn trước đây
b	Khu vực 3:							
1	Đất mặt tiền các tuyến đường liên thôn (vị trí 1)	80.000	80.000	Giữ nguyên giá đất hiện hành theo QĐ số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	80.000	100	100,00	Không ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp là hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sẽ cao hơn trước đây
2	Đất ở các vị trí khác còn lại (vị trí 2)	50.000	50.000	Giữ nguyên giá đất hiện hành theo QĐ số 73/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	50.000	100	100,00	Không ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp là hộ gia đình, cá nhân khi được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sẽ cao hơn trước đây